

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1807/QĐ-TĐHYKPNT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học
của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của phòng Quản lý Đào tạo đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành "Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, áp dụng cho sinh viên đại học từ năm học 2021 - 2022. Đối với sinh viên các khóa trước sẽ áp dụng theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ từ năm học 2018 – 2019 (Ban hành kèm theo Quyết định số 5134/QĐ-TĐHYKPNT ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch). Quyết định này thay thế Quyết định số 922/QĐ-TĐHYKPNT ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ từ năm học 2021-2022.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý Đào tạo đại học, Trưởng phòng Công tác Sinh viên, Trưởng phòng Quản lý Thực hành Lâm sàng, Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau Đại học, Trưởng phòng Khảo thí, Trưởng phòng các phòng chức năng, Trưởng các Khoa và Ban Chủ nhiệm các bộ môn, sinh viên các lớp đại học chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *h.c*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Lưu: VT, QLĐTĐH, CV (30). *h.c*

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. BS. Nguyễn Thanh Hiệp

QUY CHẾ

Đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1807/QĐ-TĐHYKPNT ngày 04 tháng 3 năm
2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)


Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (sau đây gọi tắt là Trường), bao gồm:

- Chương trình đào tạo và thời gian học tập.
- Hình thức và phương thức tổ chức đào tạo.
- Lập kế hoạch và tổ chức giảng dạy.
- Đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp.
- Những quy định khác đối với sinh viên.

2. Quy chế này áp dụng cho các khóa học tuyển sinh từ năm 2021 đối với các đơn vị thuộc Trường, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy và hình thức vừa làm vừa học của Trường. Các chương trình đào tạo do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng bao gồm cả các chương trình liên kết đào tạo được áp dụng quy chế này hoặc quy định của cơ sở đào tạo cấp bằng theo thỏa thuận liên kết, hợp tác giữa các bên nhưng không trái với những quy định của quy chế này.

3. Quy chế này là căn cứ để Hiệu trưởng xây dựng và ban hành các văn bản quy định cụ thể (sau đây gọi là quy chế của nhà trường), bao gồm việc tổ chức đào tạo trình độ đại học và cả trình độ đào tạo đối với một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. 

Điều 2. Chương trình đào tạo và thời gian học tập

1. Chương trình đào tạo được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ các học phần phù hợp với từng chuyên ngành, trong đó phải có đủ các học phần bắt buộc và đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo áp dụng chung đối với các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học khác nhau. Đối với người đã tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành khác, khối lượng học tập thực tế được xác định trên cơ sở công nhận, hoặc chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy và miễn trừ học phần trong chương trình đào tạo trước.

3. Chương trình đào tạo sẽ được công khai đối với người học trước khi bắt đầu khóa học. Những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho sinh viên.

4. Đối với mỗi hình thức đào tạo, chương trình đào tạo cần cung cấp kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá để định hướng cho sinh viên.

a) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá đối với hình thức đào tạo chính quy phải phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời đảm bảo đa số sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo;

b) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học dài hơn tối thiểu 20% so với hình thức đào tạo chính quy của cùng chương trình đào tạo.

5. Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khoá học không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá đối với mỗi hình thức đào tạo, cụ thể như sau:

Chương trình đào tạo	Thời gian học tối đa
4 năm	8 năm
5 năm	10 năm
6 năm	12 năm

Điều 3. Phương thức tổ chức đào tạo

Trường lựa chọn phương thức tổ chức đào tạo theo niên chế, áp dụng thống nhất cho tất cả các khóa học và hình thức đào tạo được tuyển sinh từ năm 2021.

1. Là phương thức tổ chức đào tạo theo lớp học tương đối cố định đối với tất cả các học phần bắt buộc của chương trình đào tạo trong toàn khoá học, cho phép

sinh viên cùng lớp thực hiện theo kế hoạch học tập chuẩn và theo một thời khóa biểu chung trừ những học phần tự chọn hoặc học lại;

2. Sinh viên được đánh giá đạt tiến độ học tập bình thường sẽ được học tiếp năm sau theo kế hoạch học tập chuẩn và đăng ký học lại những học phần chưa đạt theo quy định trong chương trình đào tạo;

3. Sinh viên được đánh giá không đạt tiến độ học tập bình thường sẽ phải học cùng sinh viên khóa sau để học lại các học phần chưa đạt theo quy định trong chương trình đào tạo.

Điều 4. Hình thức đào tạo

1. Đào tạo chính quy:

a) Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại nhà trường, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài nhà trường hoặc tại các cơ sở thực tập của nhà trường;

b) Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy trong khoảng từ 06 giờ đến 20 giờ các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 7;

c) Thời gian tổ chức những hoạt động đặc thù của chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định của nhà trường.

2. Đào tạo vừa làm vừa học:

a) Các hoạt động giảng dạy và thực tập cơ sở được thực hiện tại nhà trường hoặc tại cơ sở phối hợp đào tạo theo quy định liên kết đào tạo tại Điều 5 của Quy chế này. Riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài nhà trường, cơ sở phối hợp đào tạo;

b) Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy linh hoạt trong ngày và trong tuần;

3. Đối với các ngành đào tạo ưu tiên phục vụ nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn, Bộ Giáo dục và Đào tạo có hướng dẫn thực hiện các hình thức đào tạo phù hợp.

Điều 5. Liên kết đào tạo

1. Liên kết đào tạo chỉ thực hiện đối với hình thức vừa làm vừa học theo quy định tại khoản 22 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này. Không thực hiện việc liên kết đào tạo đối với các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề.

2. Các yêu cầu tối thiểu đối với cơ sở chủ trì đào tạo:

a) Đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục đại học bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hợp pháp và còn hiệu lực theo quy định;

b) Chương trình đào tạo dự kiến liên kết đào tạo đã được tổ chức thực hiện tối thiểu 03 khoá liên tục theo hình thức chính quy; từ khóa tuyển sinh năm 2024 yêu cầu chương trình đào tạo đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng theo quy định hiện hành;

c) Bảo đảm đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy tối thiểu 70% nội dung, khối lượng chương trình đào tạo;

d) Đã ban hành quy định về liên kết và đã thẩm định các điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở phối hợp đào tạo;

đ) Các cơ sở đào tạo thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an không áp dụng điểm a, điểm b khoản này, nhưng chỉ được liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục thuộc cùng bộ quản lý trực tiếp và phải có văn bản giao nhiệm vụ liên kết đào tạo của bộ quản lý trực tiếp.

3. Các yêu cầu tối thiểu của cơ sở phối hợp đào tạo:

a) Đáp ứng các yêu cầu về môi trường sư phạm, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện và cán bộ quản lý theo yêu cầu của chương trình đào tạo;

b) Đã có báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục gửi về cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; từ khóa tuyển sinh năm 2024 yêu cầu đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục theo quy định hiện hành, trừ các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

4. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết đào tạo:

a) Cơ sở chủ trì đào tạo và cơ sở phối hợp đào tạo chịu trách nhiệm ký kết hợp đồng liên kết đào tạo, thỏa thuận cụ thể về quyền và trách nhiệm của các bên trong việc phối hợp tổ chức thực hiện, quản lý quá trình dạy học bảo đảm chất lượng đào tạo và thực hiện nội dung đã thỏa thuận phù hợp với các quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Cơ sở chủ trì đào tạo chịu trách nhiệm quản lý chất lượng đào tạo; báo cáo hoạt động liên kết đào tạo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo trước khi tổ chức tuyển sinh; nếu cơ sở phối hợp đào tạo không đáp ứng được các yêu cầu về bảo đảm chất lượng theo quy định của học phần hoặc của chương trình đào tạo thì phải chuyển sinh viên về cơ sở chủ trì liên kết để tiếp tục đào tạo theo quy định và bảo đảm quyền lợi cho sinh viên;

c) Cơ sở phối hợp đào tạo có trách nhiệm cùng cơ sở chủ trì đào tạo bảo đảm đủ điều kiện cơ sở vật chất thực hiện đào tạo; tham gia quản lý, giảng dạy, theo thỏa thuận giữa hai bên;

d) Cơ sở chủ trì đào tạo, cơ sở phối hợp đào tạo chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện hợp đồng liên kết đào tạo; thực hiện các quy chế về tuyển sinh, đào tạo; bảo đảm quyền lợi chính đáng cho giảng viên, sinh viên trong suốt quá trình thực hiện hoạt động đào tạo.

Chương II **LẬP KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC GIẢNG DẠY**

Điều 6. Kế hoạch giảng dạy và học tập

1. Kế hoạch giảng dạy và học tập chi tiết hóa việc tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo theo năm học, học kỳ, phù hợp với phương thức tổ chức đào tạo và hình thức đào tạo.

2. Kế hoạch năm học thể hiện những mốc thời gian chính của các hoạt động đào tạo trong năm học cho tất cả chương trình, hình thức đào tạo, được công bố kịp thời tới các bên liên quan trước khi bắt đầu năm học. Một năm học có 02 học kỳ chính với tổng số tối thiểu 30 tuần lên lớp. Ngoài các học kỳ chính, nhà trường có thể tổ chức thêm học kỳ phụ.

3. Kế hoạch học kỳ bao gồm kế hoạch mở lớp, hình thức dạy và học (trực tiếp hoặc trực tuyến), lịch học, lịch thi của các học phần được tổ chức trong học kỳ. Kế hoạch học kỳ phải được xây dựng và công bố kịp thời với đầy đủ thông tin cần thiết, bảo đảm thuận tiện cho sinh viên xây dựng kế hoạch học tập và đăng ký học tập.

4. Thời khoá biểu thể hiện thời gian, địa điểm, hoạt động dạy và học của từng lớp thuộc các khoá học, hình thức và chương trình đào tạo. Thời khoá biểu của các lớp học phần bình thường được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng đối với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

5. Quy chế của nhà trường quy định rõ việc phân bổ các học kỳ, thời gian, địa điểm, hình thức bố trí các giờ lên lớp sẽ được công bố cụ thể vào đầu năm học theo quy định của Quy chế này.

Điều 7. Tổ chức đăng ký học tập

1. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, nhà trường hướng dẫn cho sinh viên đăng ký học tập trên hệ thống đăng ký học tập của nhà trường.

2. Sinh viên đăng ký học lại những học phần chưa đạt dự định sẽ học trong học kỳ, đăng ký học cải thiện điểm (nếu có) hoặc đăng ký học những học phần tự chọn theo quy định của chương trình đào tạo. *h*

Điều 8. Tổ chức giảng dạy và học tập

1. Yêu cầu về tổ chức giảng dạy và học tập:

- a) Phát huy năng lực chuyên môn và trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên, phù hợp với quy định về chế độ làm việc của giảng viên;
- b) Phát huy vai trò chủ động đồng thời đề cao trách nhiệm của sinh viên, tạo điều kiện và động lực để sinh viên nỗ lực học tập, giữ vững kỷ cương học đường, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo;
- c) Có cơ chế thanh tra, giám sát nội bộ và có hệ thống cải tiến chất lượng dựa trên thu thập, đánh giá ý kiến phản hồi của người học.

2. Dạy và học trực tuyến:

- a) Nhà trường được tổ chức các lớp học phương thức trực tuyến khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có các giải pháp bảo đảm chất lượng và minh chứng về chất lượng tổ chức lớp học phương thức trực tuyến không thấp hơn chất lượng lớp học phương thức trực tiếp;
- b) Đối với đào tạo theo hình thức chính quy và vừa làm vừa học, tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, nhà trường thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Các quy định cụ thể:

- a) Khoa phân công giảng viên cho các lớp học, giảng viên giảng dạy, giảng viên hướng dẫn sinh viên làm thí nghiệm, thực hành, thực tập, đồ án, khoá luận và thực hiện các hoạt động học tập khác;
- b) Phòng Bảo đảm chất lượng chịu trách nhiệm chính, phối hợp với phòng Công tác sinh viên về việc lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập đối với tất cả các lớp học của nhà trường và việc công khai ý kiến phản hồi của người học, bao gồm nội dung, mức độ, hình thức công khai;
- c) Trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên được phân công giảng dạy hoặc hướng dẫn sinh viên; trách nhiệm của các đơn vị chuyên môn và các đơn vị quản lý, hỗ trợ liên quan được thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường;
- d) Trách nhiệm và quyền hạn của sinh viên khi tham dự các lớp học, tham gia thí nghiệm, thực hành hoặc khi được giao thực tập, đồ án, khoá luận và các hoạt động học tập khác được thực hiện theo Quy chế công tác sinh viên của nhà trường.

Chương III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

Điều 9. Đánh giá và tính điểm học phần

1. Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần, đối với các học phần có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ có thể chỉ có một điểm đánh giá. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần. Riêng việc tổ chức bảo vệ và đánh giá đồ án, khóa luận được thực hiện trực tuyến với trọng số cao hơn khi đáp ứng thêm các điều kiện sau đây:

- a) Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 3 thành viên;
- b) Hình thức bảo vệ và đánh giá trực tuyến được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và sinh viên;
- c) Diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ.

2. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, buổi đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0 (điểm không). Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

3. Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ như dưới đây, trừ các trường hợp được quy định tại điểm d khoản này.

a) Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

- A: từ 8,5 đến 10,0;
- B: từ 7,0 đến 8,4;
- C: từ 5,5 đến 6,9;
- D: từ 4,0 đến 5,4.

b) Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần (đối với học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh) chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

P: từ 5,0 trở lên.

c) Loại không đạt: 



F: dưới 4,0.

d) Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

4. Học lại, thi và học cải thiện điểm:

a) Sinh viên có điểm học phần không đạt phải đăng ký học lại theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 của Quy chế này, trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản 5 Điều này; điểm lần học cuối là điểm chính thức của học phần;

b) Sinh viên đã có điểm học phần đạt được đăng ký học lại để cải thiện điểm (nếu có tổ chức) theo quy định của nhà trường.

5. Các quy định cụ thể:

a) Bộ môn chịu trách nhiệm đánh giá quá trình học tập, trải nghiệm của sinh viên, bao gồm cả các hoạt động thí nghiệm, thực hành, làm bài tập, trình bày báo cáo như một thành phần của học phần được quy định rõ trong đề cương chi tiết của học phần;

b) Việc tổ chức thi, kiểm tra, bao gồm quy định về việc làm đề thi, coi thi, chấm thi, phúc tra (nếu có), bảo quản bài thi căn cứ theo Quy chế thi và tổ chức thi tại trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch:

- Thời gian ôn thi và thời gian tổ chức thi lần 1:

Số tín chỉ	Thời gian ôn thi	Thời gian tổ chức thi sau khi kết thúc môn học
1 tín chỉ	01 ngày	01 tuần
2 tín chỉ	02 ngày	
3 tín chỉ	03 ngày	02 tuần
4 tín chỉ	04 ngày	
5 tín chỉ	05 ngày	

- Thời gian công bố điểm thi lần 01 là trong vòng 02 tuần kể từ ngày tổ chức thi.

- Thời gian tổ chức thi lần 02 tối thiểu 02 tuần kể từ ngày công bố điểm thi lần 01.

- Hoãn thi: trường hợp sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính thức thì được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có), điểm thi kết thúc học phần

được coi là điểm thi lần đầu; trường hợp ở kỳ thi phụ, sinh viên không được phép hoãn thi kể cả có lý do chính đáng, sinh viên phải đăng ký học lại với khóa sau.

- Miễn thi được quy định tại Điều 12 quy chế này.

c) Phòng Khảo thí chịu trách nhiệm việc tổ chức đánh giá thi kết thúc học phần; Khoa chịu trách nhiệm về việc tổ chức đánh giá đồ án, khóa luận; Bộ môn chịu trách nhiệm về việc tổ chức đánh giá quá trình, thi giữa kỳ, thực hành và thực tập; Khoa/Bộ môn chịu trách nhiệm về việc tổ chức đánh giá các học phần đặc thù khác.

d) Việc cho phép thi lại, đánh giá lại một điểm thành phần để cải thiện điểm học phần từ không đạt thành đạt; trong trường hợp này, điểm học phần sau khi thi lại, đánh giá lại chỉ được giới hạn ở mức điểm D hoặc điểm C, cụ thể như sau:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Quy đổi thành	Thang điểm chữ
1	Từ 8,5 đến 10,0	A	6,9	C
2	Từ 7,0 đến 8,4	B		
3	Từ 5,5 đến 6,9	C	5,4	D
4	Từ 4,0 đến 5,4	D	Giữ nguyên	

đ) Việc cho phép học lại để cải thiện điểm (nếu có tổ chức) và quy tắc tính điểm chính thức của học phần trong trường hợp điểm học lần sau thấp hơn.

6. Quy định của nhà trường về đánh giá và tính điểm học phần phải phù hợp các nguyên tắc và yêu cầu như sau:


a) Nghiêm túc, khách quan, tin cậy và trung thực;

b) Công bằng đối với tất cả sinh viên trong lớp, giữa các lớp, các khoá học và các hình thức đào tạo.

Điều 10. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học

1. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

a) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khoá học;

b) Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khoá học (điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó. 

2. Nhà trường đang đào tạo theo niên chế và sử dụng thang điểm 10 thì tính các điểm trung bình dựa trên điểm học phần theo thang điểm 10, không quy đổi các điểm chữ về thang điểm 4.

3. Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

- Từ 9,0 đến 10,0: Xuất sắc;
- Từ 8,0 đến cận 9,0: Giỏi;
- Từ 7,0 đến cận 8,0: Khá;
- Từ 5,0 đến cận 7,0: Trung bình;
- Từ 4,0 đến cận 5,0: Yếu;
- Dưới 4,0: Kém.

Điều 11. Xử lý kết quả học tập theo niên chế

1. Cuối mỗi năm học, sinh viên được đánh giá đạt tiến độ học tập bình thường và được học tiếp lên năm học sau nếu đạt cả hai điều kiện sau:

a) Điểm trung bình năm học đạt từ 4,0 trở lên đối với năm học thứ nhất, từ 4,2 trở lên đối với năm thứ hai và từ 4,4 đối với năm thứ ba trở đi;

b) Số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa không vượt quá 16.

2. Sinh viên bị buộc thôi học trong các trường hợp sau:

a) Điểm trung bình năm học đạt dưới 3,2;

b) Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 4,2 sau 2 năm học, dưới 4,4 sau 3 năm học và dưới 4,6 từ sau 4 năm học trở đi;

c) Thời gian học tập vượt quá giới hạn theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này.


3. Sinh viên không thuộc diện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được xếp lớp học cùng khóa sau để cải thiện kết quả học tập.

4. Các quy định về thời gian xử lý kết quả học tập, cụ thể như sau:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện (Đơn vị thực hiện in đậm là đơn vị điều phối chung)	Thời gian thực hiện
Kế hoạch xét lên lớp bao gồm: Công bố ngày dự kiến tổ chức xét lên lớp; Thông báo kết quả học tập đến sinh viên; Nhận và phản hồi từ sinh viên;	P. QLĐTĐH P. Khảo thí Khoa/Bộ môn	Ngày thi kết thúc cuối cùng của học kỳ (điểm lần 2);

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện (Đơn vị thực hiện in đậm là đơn vị điều phối chung)	Thời gian thực hiện
Công bố kết quả xét lên lớp; Ban hành quyết định;	Ban Giám Hiệu P. QLĐTĐH P. CTSV	01 tuần
Đưa sinh viên vào lớp;	P. CTSV	01 tuần
Hướng dẫn học tập cho sinh viên;	P. QLĐTĐH Khoa/Bộ môn	02 tuần
Trường hợp sinh viên thuộc diện buộc thôi học, nhà trường gửi quyết định về địa phương của sinh viên chậm nhất 01 tháng kể từ ngày ban hành quyết định.	P. CTSV	chậm nhất 01 tháng kể từ ngày ban hành quyết định.
Sinh viên được cung cấp bảng điểm chi tiết các năm học tính đến thời điểm bị buộc thôi học. Trong trường hợp sinh viên trúng tuyển vào trường trong các năm học tiếp theo, kết quả học tập có giá trị công nhận trong thời hạn: - 05 năm đối với các học phần đại cương. - 03 năm đối với các học phần cốt lõi thuộc khối kiến thức ngành/chuyên ngành. Học phần có giá trị vĩnh viễn: Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh, Kinh tế chính trị, Triết học, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chủ nghĩa xã hội khoa học; Số tín chỉ được công nhận và miễn học không vượt quá 50% khối lượng chương trình toàn khóa;	P. QLĐTĐH	Thực hiện khi sinh viên có yêu cầu

Điều 12. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Kết quả học tập của người học đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác được nhà trường xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học. 

2. Nhà trường xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình.

Điều 13. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp

1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

2. Những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được hiệu trưởng nhà trường ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với nhà trường.

3. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình tích lũy toàn khoá được quy định tại khoản 3 Điều 10 của Quy chế này, trong đó, hạng tốt nghiệp của sinh viên có điểm trung bình tích lũy loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Sinh viên đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

4. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần Giáo dục quốc phòng - an ninh hoặc Giáo dục thể chất hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, trong thời hạn 03 năm tính từ khi thôi học được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

5. Các quy định về thời gian thủ tục xét, công nhận tốt nghiệp, cụ thể như sau:

a) Phòng Quản lý đào tạo đại học dựa vào lịch học và lịch thi kết thúc học phần, lập kế hoạch xét tốt nghiệp bao gồm:

- Thành lập Hội đồng Xét tốt nghiệp;
- Phối hợp các Khoa/Bộ môn để cập nhật tất cả điểm thi kết thúc học phần.
- Công bố thời gian tổ chức xét và công nhận tốt nghiệp;
- Thông báo đến sinh viên kết quả chính thức;
- Ban hành quyết định;

- Tổ chức cấp bằng, phụ lục văn bằng theo quy định.

b) Thủ tục xét và công nhận tốt nghiệp:

- Sinh viên tự in kết quả học tập để kiểm tra đã học đủ các học phần theo quy định của chương trình đào tạo, tính điểm tổng kết.

- Chuẩn bị hồ sơ xin xét tốt nghiệp bao gồm: Bản sao công chứng các chứng chỉ Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh; Giấy cam đoan không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định; Đơn xin xét công nhận tốt nghiệp theo mẫu và gửi về Khoa; Đơn xin không xét công nhận tốt nghiệp nếu đang học nâng điểm (cải thiện điểm); Hoàn thành đánh giá kết quả rèn luyện người học và nghĩa vụ học phí, lệ phí theo quy định của Trường.

- Thường xuyên theo dõi thông tin trên cổng thông tin cá nhân của nhà trường về tình hình điểm số; kiểm tra họ tên, giới tính, ngày sinh, ..., nếu có sai sót kịp thời báo về phòng Quản lý đào tạo đại học để xử lý.

c) Trường hợp sinh viên không được công nhận tốt nghiệp:

- Trường hợp sinh viên còn thời gian đào tạo tại trường, sinh viên tiếp tục tích lũy các học phần còn thiếu trong chương trình đào tạo.

- Trường hợp sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa tại trường, xử lý tương tự sinh viên bị buộc thôi học được quy định tại khoản 4 Điều 11 quy chế này.

Chương IV **NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI SINH VIÊN**

Điều 14. Nghỉ học tạm thời, thôi học

1. Sinh viên được xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;

b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế;

c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;

d) Vì lý do cá nhân khác nhưng đã phải học tối thiểu 01 học kỳ ở nhà trường và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

2. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này. *KL*

3. Sinh viên xin thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật. Những sinh viên này muốn quay trở lại học phải dự tuyển đầu vào như những thí sinh khác.

4. Các quy định cụ thể:

a) Điều kiện để sinh viên được nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân là sinh viên phải đạt điểm trung bình chung tích lũy lớn hơn hoặc bằng điểm tối thiểu được quy định tại Điều 11 của Quy chế này;

b) Để được nghỉ học tạm thời, sinh viên phải làm đơn đề nghị gửi phòng Quản lý đào tạo đại học. Đơn đề nghị chỉ được xem xét khi sinh viên hoàn thành nghĩa vụ đóng học phí cho nhà trường đến thời điểm làm đơn;

c) Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tập tại trường, cần phải viết đơn đề nghị quay trở lại học tập gửi phòng Công tác sinh viên trước khi bắt đầu năm học mới;

d) Sau khi xem xét các điều kiện cụ thể, khi sinh viên quay trở lại học tập, nhà trường sẽ xếp sinh viên vào lớp thích hợp theo trình độ học tập của sinh viên.

Điều 15. Chuyển ngành, chuyển nơi học, chuyển cơ sở đào tạo, chuyển hình thức học

1. Sinh viên được xem xét chuyển sang học một chương trình, một ngành đào tạo khác, hoặc một phân hiệu khác của cơ sở đào tạo, hoặc từ phân hiệu về trụ sở chính khi có đủ các điều kiện sau:

a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này;

b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo, của trụ sở chính (hoặc phân hiệu) trong cùng khóa tuyển sinh;

c) Cơ sở đào tạo, trụ sở chính (hoặc phân hiệu) có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Được sự đồng ý của thủ trưởng các đơn vị chuyên môn phụ trách chương trình, ngành đào tạo, người phụ trách phân hiệu (nơi chuyển đi và chuyển đến) và của hiệu trưởng cơ sở đào tạo.

2. Sinh viên được xem xét chuyển cơ sở đào tạo khi có đủ các điều kiện sau:

a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này;

b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh tại nơi chuyển đến;

c) Nơi chuyên đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đi và cơ sở đào tạo xin chuyển đến.

3. Sinh viên được xem xét chuyển từ đào tạo theo hình thức chính quy sang hình thức vừa làm vừa học hoặc đào tạo từ xa của nhà trường (nếu có) nếu còn đủ thời gian học tập theo quy định đối với hình thức chuyển đến.

4. Các quy định về việc chuyển trường:

a) Điều kiện được chuyển trường

Trong quá trình học tập, nếu sinh viên có nhu cầu chuyển trường phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

- Ngành học sinh viên chuyển đến phải cùng ngành học hoặc nhóm ngành mà sinh viên đang học;

- Được sự đồng ý của Hiệu trưởng của trường chuyển đến và chuyển đi;

- Sinh viên không thuộc các điều kiện không được chuyển trường.

b) Điều kiện không được chuyển trường

Sinh viên thuộc một trong các điều kiện sau sẽ không được chuyển trường

- Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển/xét tuyển, nhưng không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường chuyển đến;

- Sinh viên thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển sinh quy định của trường chuyển đến;

- Sinh viên đang học năm thứ nhất hoặc năm cuối của khóa học;

- Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh báo trở lên.

c) Thủ tục chuyển trường đối với sinh viên chuyển đến bao gồm:

- Đơn xin chuyển trường và được phê duyệt của Hiệu trưởng trường chuyển đi.



- Bản sao Giấy báo nhập học/Giấy báo trúng tuyển.
- Bảng điểm chi tiết quá trình học đến thời điểm chuyển trường.
- Giấy xác nhận kết quả rèn luyện và kỷ luật.

Căn cứ vào điều kiện chuyển trường, kết quả học tập, rèn luyện và sự phù hợp của các học phần trong chương trình đào tạo, Hiệu trưởng sẽ quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận.

d) Thủ tục chuyển trường đối với sinh viên chuyển đi bao gồm:

- Đơn xin chuyển trường và được phê duyệt của Hiệu trưởng.
- Bảng điểm chi tiết quá trình học đến thời điểm xin chuyển trường.
- Giấy xác nhận kết quả rèn luyện và kỷ luật.

đ) Đối với sinh viên đào tạo theo địa chỉ sử dụng hoặc cử tuyển

- Trường hợp sinh viên chuyển đi: Phải có văn bản của cơ quan cử đào tạo về việc chuyển trường của sinh viên.

- Trường hợp sinh viên chuyển đến: Phải có văn bản của cơ quan cử đào tạo về việc chuyển trường của sinh viên và tiến hành ký hợp đồng giữa cơ quan cử đào tạo và nhà Trường sau khi sinh viên hoàn tất thủ tục chuyển trường.

e) Thủ tục nhập học:

Sau khi có quyết định tiếp nhận, sinh viên làm thủ tục rút hồ sơ nhập học tại trường chuyển đi và đến nộp tại trường chuyển đến để hoàn tất thủ tục nhập học.

Điều 16. Xử lý vi phạm đối với sinh viên

1. Sinh viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm theo các quy định của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Người học sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp sẽ bị buộc thôi học; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, huỷ bỏ.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Xây dựng và thực hiện quy chế của nhà trường

1. Trường đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học và kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định hiện hành khác có liên quan, hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm:

a) Hiệu trưởng ban hành và tổ chức thực hiện quy chế đào tạo này của nhà trường trên cơ sở tư vấn của hội đồng khoa học và đào tạo và các quy định quản lý nội bộ;

b) Hiệu trưởng ban hành các quyết định tổ chức đào tạo chính quy, vừa làm vừa học, liên kết đào tạo, đào tạo liên thông (nếu có) bảo đảm đầy đủ các yêu cầu theo Quy chế này; trong đó phải ghi rõ tên ngành, hình thức đào tạo, đối tượng, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh, địa điểm đào tạo, cơ sở phối hợp đào tạo và các thông tin khác có liên quan;

c) Hiệu trưởng tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho sinh viên quy chế của cơ sở đào tạo và các quy định liên quan đến quá trình học tập, các quy định về nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên ngay đầu khóa học;


d) Hiệu trưởng tổ chức kiểm tra, thanh tra nội bộ việc thực hiện kế hoạch, chương trình, quy chế của cơ sở đào tạo và các nhiệm vụ khác liên quan đến đào tạo; chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định hiện hành.

2. Nhà trường thực hiện giải trình theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 18. Chế độ báo cáo, lưu trữ, công khai thông tin

1. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm:

a) Nhà trường báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ quan quản lý trực tiếp về số liệu sinh viên tuyển mới, tốt nghiệp, thôi học và đang học trong năm, dự kiến tốt nghiệp trong năm sau, tốt nghiệp đã có việc làm trong thời gian 12 tháng; phân loại theo đối tượng đầu vào, ngành đào tạo, khóa đào tạo và hình thức đào tạo;

b) Nhà trường báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo về tình hình tuyển sinh và đào tạo tại địa phương. 

2. Nhà trường có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản an toàn các tài liệu liên quan tới công tác đào tạo theo các quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

a) Quyết định trúng tuyển, bảng điểm gốc, quyết định công nhận tốt nghiệp, sổ gốc cấp phát bằng tốt nghiệp cho sinh viên là tài liệu lưu trữ được bảo quản vĩnh viễn tại nhà trường;

b) Tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo được lưu trữ, bảo quản trong suốt quá trình đào tạo;

c) Việc tiêu hủy tài liệu liên quan tuyển sinh, đào tạo hết thời gian lưu trữ được thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

3. Nhà trường công khai trên trang thông tin điện tử của mình chậm nhất 45 ngày trước khi tổ chức đào tạo:

a) Quy chế của nhà trường và các quy định quản lý đào tạo có liên quan;

b) Quyết định mở ngành và các quyết định nêu tại điểm b khoản 1 Điều 21 đối với chương trình sẽ tổ chức đào tạo;

c) Các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Các minh chứng về việc các chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

đ) Thông báo tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh hiện hành;

e) Các minh chứng về việc đáp ứng các yêu cầu tối thiểu đối với liên kết đào tạo vừa làm vừa học (nếu có) theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5 của Quy chế này.

Những vấn đề mới phát sinh không được quy định trong Quy chế này sẽ được điều chỉnh bằng những Phụ lục hoặc những Quy chế liên quan. /.

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. BS. Nguyễn Thanh Hiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục 1

TRAO ĐỔI SINH VIÊN VÀ HỢP TÁC TRONG ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1807/QĐ-TĐHYKPNT ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

1. Các cơ sở đào tạo xây dựng và ban hành quy định về việc công nhận lẫn nhau về quy trình đào tạo, nội dung đào tạo và giá trị của tín chỉ làm căn cứ cho phép sinh viên của cơ sở đào tạo này được học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác và ngược lại (sau đây gọi là trao đổi sinh viên).

2. Trên cơ sở đánh giá và công nhận lẫn nhau, sinh viên của cơ sở đào tạo này có thể đăng ký thực hiện học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác, nếu được hiệu trưởng của hai cơ sở đào tạo đồng ý với số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở đào tạo khác (nếu có) không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

3. Trong hợp tác đào tạo giữa các cơ sở đào tạo, việc đánh giá và công nhận lẫn nhau số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở phối hợp đào tạo khác không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

4. Quy chế của cơ sở đào tạo quy định về điều kiện trao đổi sinh viên, hợp tác đào tạo, việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên khi thực hiện chương trình đào tạo và công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo. /.



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục 2

HỌC LIÊN THÔNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ VĂN BẰNG KHÁC
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1807/QĐ-TĐHYKPNT ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

1. Người đã tốt nghiệp các trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp được dự tuyển và học liên thông lên trình độ đại học theo quy định hiện hành và quy chế của nhà trường.

2. Người đã tốt nghiệp đại học được dự tuyển và học liên thông để nhận thêm một bằng tốt nghiệp đại học của một ngành đào tạo khác, khi đã áp dụng thống nhất phương thức đào tạo theo tín chỉ (riêng các ngành an ninh, quốc phòng thực hiện theo quy định của cơ sở đào tạo) và đã tuyển sinh được tối thiểu 03 khóa theo ngành đào tạo và hình thức đào tạo mà người học lựa chọn.

3. Người học liên thông thực hiện chương trình đào tạo và đăng ký học tập theo kế hoạch chung như các sinh viên khác cùng hình thức đào tạo. Trên cơ sở công nhận và chuyển đổi tín chỉ, sinh viên được miễn trừ các học phần tương ứng với những khối lượng học tập đã tích lũy theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này.

4. Quy chế đào tạo của nhà trường quy định chi tiết điều kiện, thủ tục tiếp nhận học liên thông; việc công nhận, chuyển đổi tín chỉ và miễn trừ học phần cho sinh viên liên thông dựa trên nguyên tắc công bằng, minh bạch với mọi đối tượng, bảo đảm chặt chẽ yêu cầu về chất lượng, áp dụng chuẩn đầu ra chung như đối với những sinh viên khác. /.